

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 173/2022/HS-ST
Ngày: 19-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Ngọc Hùng và ông Nguyễn Đình Quang.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Sùng A Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai:* Ông Trần Văn Hải - Kiểm sát viên.

Trong 19/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 152/2022/TLST-HS ngày 23/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2022/QĐXXHS-ST ngày 06/9/2022 đối với các bị cáo:

1. Tô A M, sinh năm 1973, tại tỉnh Đồng Nai. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Hoa. Tôn giáo: Phật. Con ông Tô A T, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Ứng Chi K, sinh năm 1939 (còn sống). Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình. Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị U, sinh năm 1977 (đã ly hôn), có 02 người con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2004. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú và bị giam giữ từ ngày 19/11/2021(có mặt).

2. Võ Văn P, sinh năm 2000, tại Cà Mau. Hộ khẩu thường trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 5/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Võ Văn T, sinh năm 1968 (còn sống) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966 (còn sống). Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/11/2021 (có mặt).

3. Nguyễn Lê S, sinh ngày 09/5/2004, tại Cà Mau. Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã K, huyện U M, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Phường A, thành phố B, tỉnh Đồng

Nai. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 5/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (còn sống) và bà Hồ Thị H, sinh năm 1986 (còn sống). Gia đình có 02 anh em; Bị cáo là con lớn trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 28/12/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/11/2021 (có mặt). Hiện đang chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom.

4. Lê Nguyễn L, sinh năm 1980, tại Quảng Nam. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Lê Nguyễn L, sinh năm 1957 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1958 (còn sống). Gia đình có 06 anh em; Bị cáo là con lớn trong gia đình; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1982, có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 19/11/2021 (có mặt).

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Lê S:** ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã K, huyện U M, tỉnh Cà Mau (có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê S:** Ông Vũ Văn T, sinh năm 1966 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị hại:** Ông Trần Văn S, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thông Đồng Trắng, xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tô A M và Võ Văn P là các đối tượng nghiện ma túy và thường xuyên sử dụng ma túy cùng nhau ở nhà của M thuộc tổ 6, ấp 6, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Từ năm 2020 M có quan hệ đồng giới (tình dục) với anh Trần Việt S, đến tháng 10/2021 anh S có xin M chuyển khoản cho 5.000.000 đồng để anh S ăn uống và trả tiền phòng trọ ở Hà Nội. Khoảng 7 giờ 30 ngày 15/11/2021 anh S đón xe taxi đến nhà của M và xin M cho 4.000.000 đồng để trả tiền taxi. Khi đến nhà M, anh S đem theo 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám, 01 túi màu đen đựng 01 (một) laptop hiệu ASUS màu trắng, số tiền 352.000 đồng, 01 thẻ ATM và 01 va ly quần áo. Khoảng 15 giờ cùng ngày anh S nói đã xin được việc làm ở quán ăn tại thị trấn Trảng Bom và sẽ dọn đồ ra ở tại chỗ làm thì M đồng ý. Đến khoảng 13 giờ ngày 16/11/2021, khi anh S đang dọn đồ chuẩn bị đi làm thì M nghi ngờ anh S lừa dối để xin tiền của M nên M giữ anh S tại khu vực nhà bếp và

nói P kiểm tra tài sản của anh S, P nói anh S để tài sản lên mặt bàn ghế đá để kiểm tra rồi P lấy 01 túi đựng laptop màu đen bên trong có 01 laptop màu trắng hiệu ASUS, 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám, 01 thẻ ATM và số tiền 352.000 đồng của anh S cất vào phòng ngủ của M. Sau đó M hỏi mật khẩu thẻ ATM của anh S nhưng anh S không nói gì nên M và P dùng tay chân đánh anh S, do sợ bị đánh nên anh S đã nói mật khẩu là "666666". M nói P cầm thẻ ATM ra trụ ATM kiểm tra in biên lai số tiền trong tài khoản, mục đích kiểm tra xem anh S có tiền trong thẻ ATM không mà xin tiền của M. Khi P chuẩn bị đi kiểm tra thẻ ATM của anh S thì Nguyễn Lê S (bạn của P) điều khiển xe mô tô biển số 60H5-5878 chở Trần Gia Huy (sinh năm 2007) đến nhà M chơi. M nói S đi cùng P ra trụ ATM để kiểm tra, S đồng ý rồi chở P ra trụ ATM ở thị trấn Trảng Bom nhưng không kiểm tra được tiền trong thẻ do sai mật khẩu. S và P quay về gặp M đang cất cốp cách nhà M khoảng 500m. M nói P chạy xe mô tô của S về chở anh S ra chỗ M, tại bãi cỏ M dùng tay chân đánh vào người anh S 2-3 cái và chửi anh S, sau đó P đưa anh S về khu vực sân trước nhà của M (khuôn viên sân có rào kín lưới sắt B40 xung quanh, cửa cổng đều đã khóa bằng ổ khóa) để anh S ngồi một mình ở đó, còn M, P, S và Huy ngồi nói chuyện ở bếp phía sau nhà. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, đôi tượng tên Sử (chưa rõ lai lịch) bạn của M đi cùng vợ Sử (chưa rõ lai lịch) đến nhà M chơi. Lúc này M nói Sử đi cùng P, S chở anh S đến trụ ATM kiểm tra trong thẻ của anh S có tiền không để in biên lai cho M và M đưa cho P 1.500.000 đồng để P mua ma túy về cùng sử dụng thì cả nhóm đồng ý. Sử điều khiển xe mô tô của Sử (không rõ biển số) chở anh S, còn S điều khiển xe mô tô biển số 60H5-5878 chở P ra trụ ATM gần bưu điện Trảng Bom, anh S đưa thẻ vào máy nhưng không mở được mật khẩu nên không kiểm tra được tiền, cả nhóm chở anh S quay về và đi đến nhà Lê Nguyễn L tại ấp 2, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom để mua ma túy. P gặp và đưa cho L 1.500.000 đồng, L cầm tiền và sử dụng điện thoại di động Iphone 6S gắn sim số 0933.458.126 gọi cho đôi tượng Ty Lan (chưa rõ lai lịch) hỏi mua 1.500.000 đồng ma túy đá, Ty Lan đồng ý. Sử điều khiển xe mô tô chở L ra ngã 3 Cây Gáo thuộc khu phố 1, thị trấn Trảng Bom gặp Ty Lan mua được 01 gói ma túy, L đưa lại gói ma túy cho Sử rồi cả hai quay về. Về đến nhà L, Sử nói cho P và S biết đã mua được ma túy, cả nhóm chở anh S về nhà M và giữ anh S ở khu vực bếp phía sau nhà. S lấy gói ma túy đổ một ít vào nỏ thủy tinh rồi cùng sử dụng với M, P và Sử còn Huy ngồi chơi không sử dụng ma túy. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, M nói P, S và Sử tiếp tục đưa anh S đi đến trụ ATM kiểm tra thẻ của anh S để in biên lai cho M, cả ba đồng ý. M gọi xe taxi đến đón P, S, Sử đưa anh S đến trụ ATM gần bưu điện Trảng Bom để kiểm tra nhưng thẻ bị khóa nên không kiểm tra được. Cả nhóm lên xe taxi đưa anh S quay về nhà M và giữ anh S ở khu vực nhà bếp phía sau. Sau đó P, S và Sử tiếp tục ngồi sử dụng ma túy với M đến khoảng 22 giờ cùng ngày. Số ma túy còn dư M đem cất giấu trên giường trong phòng ngủ số 3. Sau đó S chở Huy ra về, còn vợ chồng Sử ở lại đến sáng ngày 17/11/2021 thì ra về.

Khoảng 11 giờ ngày 17/11/2021 P đưa anh S qua khu vực chuồng nuôi bò bên hông nhà rồi P đi ngủ thì anh S trèo qua hàng rào chạy thoát và trình báo Công an xã Sông Trầu. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, S chở Huy xuống nhà M chơi, thì nghe P nói anh S đã bỏ trốn. M nói S chở P đem 01 máy tính laptop màu trắng hiệu ASUS và 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám của anh S đi bán, S đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 60H5-5878 chở P đến cửa hàng điện thoại ở ấp 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom để bán nhưng do không có mặt khẩu nên không bán được. S chở P quay về thì P nói S chạy xe vào nhà L để lấy 500.000 đồng của L đang nợ M, khi P gặp L thì L nói không có tiền nên nói P lấy 01 gói ma túy giá 500.000 đồng để trừ số tiền nợ của M, P sử dụng điện thoại hiệu ViVo gắn sim số 0393.210.097 điện thoại đến số 0877.348.223 của M nói cho M biết sự việc thì M đồng ý. P đưa gói ma túy cho S xem rồi cả hai đi đến cửa hàng điện thoại thuộc ấp 2, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom để P hỏi bán chiếc điện thoại Iphone 6S màu xám của anh S. Do chủ cửa hàng chỉ mua lại với giá 200.000 đồng nên S nói P bán lại cho S chiếc điện thoại này thì P đồng ý. Sau đó, P và S đi đến cửa hàng thú y thuộc ấp 6, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom để mua thức ăn cho chó, khi vừa dừng xe phía trước cửa hàng, thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ. Đến 21 giờ 45 phút cùng ngày, Công an xã Sông Trầu tiến hành kiểm tra hành chính nhà của Tô A M tại ấp 6, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, khi thấy lực lượng Công an M đã chạy thoát đến ngày 19/11/2021, M đến Công an huyện Trảng Bom đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 19/11/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Nguyễn L và tiến hành Khám xét khẩn cấp nơi ở của L tại ấp 2, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Qua đấu tranh L thừa nhận hành vi bán ma túy cho các đối tượng như trên, ngoài ra ngày 19/11/2021 do có nhu cầu sử dụng ma túy nên L mua 01 gói ma túy giá 200.000 đồng của đối tượng tên Đức Chính (không rõ lai lịch) mục đích để sử dụng cho bản thân.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói nylon hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng được niêm phong (ký hiệu M1), 01 điện thoại Vivo màu xanh và số tiền 200.000 đồng thu giữ trên người P; 01 xe mô tô biển số 60H5-5878 của S; 01 laptop hiệu ASUS màu trắng, 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám của anh S; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 cây dao tự chế bằng kim loại dài khoảng 90cm, 01 gói nylon hàn kín kích thước 2cmx3cm bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M2), 01 điện thoại hiệu Iphone 6Plus màu vàng, 01 điện thoại Oppo màu vàng và 04 camera kèm 04 cục sạc thu tại nhà của M; 01 gói L, được niêm phong (ký hiệu M3), 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, số tiền 2.190.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 6s số sim 0933.458.126 của L.

Tại bản kết luận giám định số 2227/KLGD-PC09 ngày 25/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng **0,2967** gam, loại **Methamphetamine**.

- Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng **1,5523** gam, loại **Methamphetamine**.

- Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M3) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng **0,2820** gam, loại **Methamphetamine**.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 29/12/2021 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận: 01 laptop hiệu ASUS R556L và 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6S đã qua sử dụng có tổng trị giá là 7.700.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 108 - CT/VKS-TB ngày 11/5/2022 và Văn bản số 163/QĐ-VKS-TB ngày 23/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố cáo bị cáo Tô A M và Võ Văn P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249, tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 và tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Lê S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Lê Nguyễn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 157 điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Tô A M mức án từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng về tội “Giữ người trái pháp luật”, từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 157 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Võ Văn P mức án từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng về tội “Giữ người trái pháp luật”, từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê S mức án từ 04 (bốn) tháng đến 06 (sáu) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật” và 08 (tám) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Nguyễn L mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma

túy” và 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Về vật chứng:

+ Đề nghị Tòa tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ma túy sau giám định số: 2227/KLGĐ-PC09 ngày 25/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 02 nỏ thủy tinh, 02 ống hút nhựa, 02 chai nhựa) và 03 sim điện thoại (số 0393.210.097, 0877.348.223, 0933.458.126).

+ Đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung công: 01 điện thoại Vivo V2043 màu xanh, 01 điện thoại Iphone 6Plus màu vàng, 01 điện thoại di động Iphone 6s và số tiền 200.000 đồng là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

+ Đối với 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 90cm thu giữ tại nhà M, Cơ quan điều tra tịch thu, xử lý theo quy định.

+ Đối với 01 Laptop ASUS màu trắng và 01 điện thoại Iphone 6s màu xám là tài sản của anh S bị chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh S.

+ Đối với xe mô tô biển số 60H5-5878 là xe mô tô của chị Hồ Thị Hiền (mẹ ruột của S). Việc S sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội chị Hiền không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho chị Hiền.

+ Đối với 01 điện thoại OPPO màu vàng, 04 camera kèm 04 cục sạc của M và số tiền 2.190.000 đồng của L không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

- Về dân sự: Anh Trần Việt S đã nhận lại tài sản gồm 01 laptop hiệu ASUS màu trắng và 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám và số tiền 352.000 đồng gia đình M bồi thường. Do chỉ bị thương tích nhẹ nên anh S không yêu cầu giám định thương tích và không còn yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*** Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê S:** Đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh của bị cáo S. Về hình phạt, đề nghị hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi; bị cáo có trình độ học vấn thấp, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, xét đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 13 giờ ngày 16/11/2021 tại nhà của Tô A M ở tổ 6, ấp 6, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, M và Võ Văn P đã có hành vi dùng lời nói đe dọa uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt của anh Trần Việt S số tiền 352.000 đồng; 01 laptop ASUS R556L, 01 điện thoại di động Iphone 6S đã qua sử dụng có tổng trị giá 7.700.000 đồng và có hành vi giữ trái phép anh S trong nhà của M vào các ngày 16 và 17/11/2021, Nguyễn Lê S tham gia giúp sức cho M và P giữ anh S trong nhà của M ngày 16/11/2021.

Ngoài ra tại ấp 2, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, M, P và S còn mua ma túy loại Methamphetamine của Lê Nguyễn L 02 lần, cụ thể: ngày 16/11/2021 mua 1,5523 gam giá 1.500.000 đồng, ngày 17/11/2021 mua 0,2967 gam giá 500.000 đồng, mục đích mua về để cùng nhau sử dụng. Ngoài hành vi bán ma túy thì ngày 19/11/2021 tại ấp 2, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, L còn tàng trữ 0,2820 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng cho bản thân.

Hành vi nêu trên của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại rất lớn về nhiều mặt cho đời sống xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, đồng thời gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Hành vi của cáo bị cáo Tô A M và Võ Văn P đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249, tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 và tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Lê S đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Lê Nguyễn L đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Bị cáo M là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác, thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo P đồng phạm

với vai trò là người thực hành, tích cực tham gia thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo S tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo Tô A M cao hơn các bị cáo Võ Văn P và bị cáo Nguyễn Lê S; bị cáo Võ Văn P cáo hơn bị cáo Nguyễn Lê S nhưng cần xem xét đến nhân thân của từng bị cáo.

[5] Xét nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

[5.1] Về nhân thân:

- Bị cáo Nguyễn Lê S có nhân thân xấu.
- Các bị cáo khác đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Riêng bị cáo Tô A M đầu thú nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo M.

[5.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Tô A M đã rủ rê, lôi kéo bị cáo Nguyễn Lê S tham gia thực hiện hành vi phạm tội khi S chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS.
- Các bị cáo khác không có tình tiết tăng nặng.

[5.4] Bị cáo Nguyễn Lê S phạm tội khi mới từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nên cần áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi quy định tại các Điều 90, Điều 91 và Điều 101 bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung 2017) đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Tịch thu tiêu hủy 01 số lượng ma túy còn lại sau giám định chứa trong phong bì miên phong số: 2227/KLGĐ-PC09 ngày 25/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 02 nỏ thủy tinh, 02 ống hút nhựa, 02 chai nhựa) và 03 sim điện thoại (số 0393.210.097, 0877.348.223, 0933.458.126).

[6.2] Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Vivo V2043 màu xanh, 01 điện thoại Iphone 6Plus màu vàng, 01 điện thoại di động Iphone 6s và số tiền 200.000 đồng là công cụ sử dụng vào việc phạm tội.

[6.3] Đối với 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 90cm thu giữ tại nhà M, Cơ quan điều tra tịch thu, xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6.4] Đối với 01 Laptop ASUS màu trắng và 01 điện thoại Iphone 6s màu xám là tài sản của anh S bị chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh S nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6.5] Đối với xe mô tô biển số 60H5-5878 là xe mô tô của chị Hồ Thị Hiền (mẹ ruột của S). Việc S sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội chị Hiền không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho chị Hiền nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6.6] Đối với 01 điện thoại OPPO màu vàng, 04 camera kèm 04 cục sạc của M và số tiền 2.190.000 đồng của L không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về dân sự: Anh Trần Việt S đã nhận lại tài sản gồm 01 laptop hiệu ASUS màu trắng và 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám và số tiền 352.000 đồng gia đình M bồi thường. Do chỉ bị thương tích nhẹ nên anh S không yêu cầu giám định thương tích và không còn yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đối với hành vi cung cấp ma túy cho các đối tượng tên Khá, Sử và vợ Sử sử dụng của Tô A M, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của Khá, Sử và vợ Sử nên không có căn cứ xử lý Tô A M về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự. Đối với người tên Khá, Sử và vợ Sử, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom tiếp tục điều tra xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê S phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Tô A M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Cưỡng đoạt tài sản” và “Giữ người trái pháp luật”.

- Xử phạt bị cáo Tô A M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 08 (tám) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của 03 tội,

buộc bị cáo Tô A M phải chịu hình phạt chung là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2021.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 157 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Võ Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Cưỡng đoạt tài sản” và “Giữ người trái pháp luật”.

- Xử phạt bị cáo Võ Văn P 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo Võ Văn P phải chịu hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2021.

3. Căn cứ c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 55; Điều 56 Điều 38, Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Lê S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Giữ người trái pháp luật”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê S 09 (chín) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 05 (năm) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Lê S phải chịu hình phạt chung là 1 (một) năm 02 (hai) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù của bản án này với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” của bản án số 567/2021/HS-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai bản án là **02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2021.

4. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Lê Nguyễn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn L 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung là 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2021.

5. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Tịch thu tiêu hủy 01 số lượng ma túy còn lại sau giám định chứa trong phong bì miên phong số: 2227/KLGĐ-PC09 ngày 25/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 02 nỏ thủy

ting, 02 ống hút nhựa, 02 chai nhựa) và 03 sim điện thoại (số 0393.210.097, 0877.348.223, 0933.458.126).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Vivo V2043 màu xanh, 01 điện thoại Iphone 6Plus màu vàng, 01 điện thoại di động Iphone 6s và số tiền 200.000.

(Tất cả các vật chứng trên được giao nhận theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/5/2022 và biên lai thu tiền số 0005130 ngày 13/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai).

6. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Tô A M, Võ Văn P, Nguyễn Lê S và Lê Nguyễn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Báo cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo S, người bào chữa cho bị cáo S biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm

Mẫu 27-HS